

Số: 183../QĐ-THPT TN

Điện Biên, ngày 14 tháng 09 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Công khai các thông tin nhà trường
theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT THANH NỮA

- Căn cứ vào Điều lệ trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT- BGDDT ngày 15/09/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng và tổ chức bộ máy của trường Trung học;

- Căn cứ Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

- Căn cứ Kế hoạch số 85/KH-THPT TN ngày 10/09/2020 của Trường THPT Thanh Nưa về Kế hoạch ba công khai năm học 2020-2021,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Quyết định công khai theo các thông tin theo quy định của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017.

(Có các biểu mẫu kèm theo)

Điều 2:

- Hình thức công khai: công khai trên Website của trường (trừ hồ sơ công khai tài chính) và dán niêm yết tại bảng tin nhà trường.

- Thời gian công khai: từ ngày 15/9/2021 đến ngày 15/10/2021.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký; các cá nhân có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Ths. NGUT. Lê Thị Kiều Oanh

Biểu mẫu 12

SỞ GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT THANH NỮA

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông,
năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	40	0	19	17	0	3	3	29	6	0	21	13	0	0
I	Giáo viên														
	Trong đó số giáo viên dạy môn:	29	0	15	14	0	0	0	27	4	0	18	13	0	0
1	Toán	4	0	4	0	0	0	0	4	0	0	4	0	0	0
2	Lý	3	0	1	2	0	0	0	3	0	0	1	2	0	0
3	Hóa	3	0	2	1	0	0	0	4	0	0	2	1	0	0
4	Sinh	2	0	1	1	0	0	0	2	0	0	0	2	0	0
5	Tin	2	0	0	2	0	0	0	2	0	0	1	1	0	0
6	Ngữ văn	5	0	3	2	0	0	0	5	0	0	3	2	0	0
7	Lịch sử	3	0	2	1	0	0	0	2	1	0	1	2	0	0
8	Địa lí	2	0	2	0	0	0	0	1	1	0	2	0	0	0
9	Tiếng Anh	3	0	0	3	0	0	0	2	1	0	1	2	0	0
10	GDCD	1	0	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0



11	Thẻ đục	3	0	0	3	0	0	0	3	0	0	2	1	0	0
II	Cán bộ quản lý	3	0	3	0	0	0	0	1	2	0	3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	2	0	0	0	0	0	2	0	2	0	0	0
III	Nhân viên	8	0	0	2	0	3	3				1	7	0	0
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	1	0	0	0	0	1	0				0	1	0	0
3	Thủ quỹ	1	0	0	0	0	1	0				0	1	0	0
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	0	1	0				0	1	0	0
5	Nhân viên thư viện	1	0	0	1	0	0	0				1	0	0	0
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1	0	0	1	0	0	0				0	1	0	0
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
9	Nhân viên Phục vụ	1	0	0	0	0	0	1				0	1	0	0
10	Nhân viên Bảo vệ	2	0	0	0	0	0	2				0	1	1	0



Điện Biên, ngày 15 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Ths. NGUT. Lê Thị Kiều Oanh

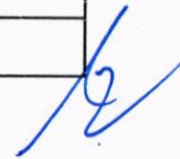
Biểu mẫu 11

SỞ GD&ĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT THANH NỮA

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	14	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	14	-
1	Phòng học kiên cố	14	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	4	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	-
7	Bình quân lớp/phòng học	13/14	-
8	Bình quân học sinh/lớp	43.3	-
III	Số điểm trường		-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	36.000	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	15.000	
VI	Tổng diện tích các phòng	1.988	
1	Diện tích phòng học (m ²)	700	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	240	
3	Diện tích thư viện (m ²)	54	



4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	880	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	124	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	3	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	3	
1.1	Khối lớp 10	3	
1.2	Khối lớp 11	3	
1.3	Khối lớp 12	3	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp...	0	
2.2	Khối lớp...	0	
2.3	Khối lớp...	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	45	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	10	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	20	
5	Thiết bị khác...	5	



6			
---	-------	--	--

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	20	
5	Thiết bị khác...	5	
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	40
XI	Nhà ăn	80

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	540	176	0.3
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		2		0.1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					



(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Điện Biên, ngày 15 tháng 9 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Ths. NGUYỄN. Lê Thị Xuân Cảnh